

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2022

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Yến Nh, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp Lò Ng, xã Song L, huyện Châu Th, tỉnh T (Vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Anh Lê Văn Th, sinh năm: 1990; Địa chỉ: ấp Định Phú T, xã Long Th, huyện Tiểu C, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Hà Thị Yến Nh trình bày:

Vào năm 2012 chị với anh Lê Văn Th có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với nhau không có hạnh phúc, nguyên nhân tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng cự cãi, chị cũng đã cố gắng hòa hợp cùng với chồng để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung tuy nhiên vẫn không thể nào hòa hợp được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Hà Tấn Ph, sinh ngày 24/5/2012 và Lê Hà Huỳnh L, sinh ngày 16/8/2018 hiện đang sống chung với anh Lê Văn Th. Chị yêu cầu được

nuôi dưỡng cháu Lê Hà Tấn Ph không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý cho anh Th nuôi dưỡng cháu Lê Hà Huỳnh L, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 24/01/2022 cháu Lê Hà Tấn Ph trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của con là muốn được sống chung cùng với mẹ.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Giấy khai sinh của cháu Lê Hà Tấn Ph và Lê Hà Quỳnh L (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính).

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:* Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh Th không đến Tòa tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh Th được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Hà Thị Yên Nh có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh Th vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh và anh Th.

2. *Về hôn nhân:* Chị Hà Thị Yên Nh và anh Lê Văn Th có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Long Thới ngày 30/8/2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Quá trình tố tụng chị Nh cho rằng chị cũng đã cố gắng hòa hợp để vợ chồng hạnh phúc, nhưng không thể hòa hợp được, chị xác định chị không còn tình cảm gì với anh Th nữa, và từ khi Tòa án thụ lý cho đến nay anh Th cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình về việc chị Nh yêu cầu ly hôn với anh. Như vậy giữa chị Nh và anh Th không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bỏn phận người đó, bỏ mặc ai muốn sống ra sao thì sống điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Hà Thị Yên Nh được ly hôn với anh Lê Văn Th.

3. *Về con chung:* Có 02 con chung tên là Lê Hà Tấn Ph, sinh ngày 24/5/2012 và Lê Hà Huỳnh L, sinh ngày 16/8/2018. Chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Hà Tấn Ph,

xét thấy yêu cầu này của chị Nh là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu Ph nghĩ nên giao cháu Ph cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nh đồng ý giao cháu cháu Lê Hà Quỳnh L cho anh Th nuôi dưỡng, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Nh nên giao cháu Lê Hà Quỳnh L cho anh Th nuôi dưỡng.

4. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Nh không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Hà Tấn Ph nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Đối với cháu Lê Hà Quỳnh L chị Nh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, do Tòa án không thể làm việc được với anh Th nên không biết anh Th có yêu cầu cấp dưỡng hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh Th có tranh chấp yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con thì anh Th được quyền yêu cầu.

5. *Về tài sản chung và nợ chung:* Quá trình tố tụng chị Nh khai không có. Do Tòa án không thể làm việc được với anh Th nên không biết vợ chồng có tài sản chung và nợ chung hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh Th có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Nh thì anh Th được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Nh.

Về án phí: Chị Hà Thị Yến Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Yến Nh cho chị Nh được ly hôn với anh Th.

2. *Về con chung:* Chị Hà Thị Yến Nh được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Hà Tấn Ph, sinh ngày 24/5/2012 là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu Ph. Anh Lê Văn Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Hà Quỳnh L, sinh ngày 16/8/2018.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng:* Anh Th không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên là Lê Hà Tấn Ph do chị Nh không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh Th được quyền tranh chấp với chị Nh về cấp dưỡng đối với con chung tên là Lê Hà Quỳnh L

4. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Hà Thị Yến Nh khai không có. Sau khi ly hôn anh Th có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Nh thì anh Th được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Nh.

4. *Về án phí:* Chị Hà Thị Yến Nh phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002873 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh. Chị Nh đã nộp đủ án phí. Anh Lê Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Long Thới;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thạch Thị Thu Hiền

